TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST Ngày: 03-6-2019 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị T, sinh năm 1981 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và ông T1 đã chung sống với người khác, bà và ông T1 không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Trong quá trình chung sống bà và ông T1 có hai người con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009, hai người con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Văn T1, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T1, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn T1.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông T1 có hai người con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009, hai người con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Xét thấy Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thu lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T1 nhưng ông Nguyễn Văn T1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con chung của bà T. Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có đủ điều kiện để nuôi con chung và hai người con chung Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Trọng N có nguyện vọng được chung sống với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T việc được trực tiếp nuôi hai người con chung, giao hai người con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm

sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà T và ông T1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn T1.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 cho bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007476 ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , bà Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;*

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi CụcThi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều